

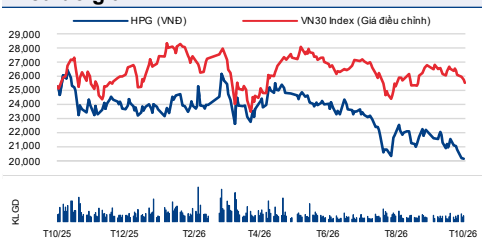
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ37,300
Tiềm năng tăng/giảm: 86.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (1/10/2026)	20,050
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	20,050-26,425
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	20,175
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	169,282
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,515
Slg CP lưu hành (tr.đv)	8,443
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	4,137
Slg CP NN được mua (tr.đv)	2,102
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.1%
Tỷ lệ freefloat	54.8%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (25.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	156,116	214,333	259,136
EBITDA đc (tỷ đồng)	28,896	41,270	50,881
LNTT (tỷ đồng)	18,041	30,117	33,033
LNT ĐC (tỷ đồng)	14,678	25,654	29,063
FCF (tỷ đồng)	(10,056)	5,702	13,038
EPS ĐC (đồng)	1,738	3,038	3,442
DPS (đồng)	500	500	500
BVPS (đồng)	15,300	18,801	21,752
T.trưởng EBITDA (%)	34.1	42.8	23.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	(2.64)	74.8	13.3
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	18.5	19.3	19.6
Tỷ suất LNTT (%)	11.6	14.1	12.7
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.90	12.6	11.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	27.3	15.6	13.8
Nợ thuần/VCSH (%)	65.6	39.2	26.8
ROAE (%)	12.7	18.8	17.9
ROACE (%)	13.1	16.5	17.9
EV/doanh thu (lần)	1.51	0.99	0.73
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.16	5.12	3.70
P/E ĐC (lần)	11.5	6.60	5.82
P/B (lần)	1.31	1.07	0.92
Lợi suất cổ tức (%)	2.49	2.49	2.49

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Sản lượng tiêu thụ thép tháng 8 tăng 59% so với cùng kỳ

- Trong tháng 8, sản lượng tiêu thụ thép của HPG tăng 59% so với cùng kỳ đạt 1,38 triệu tấn, với đà tăng trưởng tích cực ở tất cả các phân khúc sản phẩm. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2026, tổng sản lượng tiêu thụ tăng 37% so với cùng kỳ đạt 10 triệu tấn, sát với kỳ vọng của HSC và hoàn thành 68% dự báo cho cả năm 2026.
- Chúng tôi tiếp tục dự báo lợi nhuận thuần Q3/2026 đạt 6,1 nghìn tỷ đồng (+53% svck) nhờ sản lượng tiêu thụ thép tăng mạnh. Dự báo cho thấy lợi nhuận thuần Q4/2026 tăng 44% so với cùng kỳ.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 15% trong 3 tháng qua, HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 6 lần, thấp hơn 1,6 độ lệch chuẩn so với mức trung bình 5 năm ở mức 12,7 lần. Theo quan điểm của chúng tôi, mức định giá hiện tại rất hấp dẫn so với triển vọng phía trước. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu 37.300 đồng/cp (tiềm năng tăng giá 86%)

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ tháng 8

Hiệp hội Thép Việt Nam đã công bố báo cáo ngành tháng 8/2026. Tổng sản lượng tiêu thụ thép của HPG đạt 1,38 triệu tấn, tăng 59% so với cùng kỳ nhưng giảm 4% so với tháng trước. Động lực tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ đến từ việc áp thuế chống bán phá giá lên HRC Trung Quốc cùng tiến độ giải ngân đầu tư công tích cực. Ngược lại, mức sụt giảm so với tháng trước thuần túy phản ánh yếu tố thời vụ khi bước vào mùa mưa.

Sản lượng tiêu thụ HRC tháng 8 tăng 53% svck

Tổng sản lượng tiêu thụ HRC trong tháng 8 đạt 657.713 tấn, tăng 53% so với cùng kỳ nhưng giảm 7% so với tháng trước. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2026, sản lượng tiêu thụ HRC đạt 4,8 triệu tấn (+61% svck), nâng tỷ trọng đóng góp của HRC trong tổng sản lượng thép tiêu thụ của HPG lên mức 48% (so với 40% trong 8 tháng đầu năm 2025). Thị phần HRC của HPG cũng tăng lên 40% so với mức 28% trong 8 tháng đầu năm 2025, trong khi sản lượng nhập khẩu giảm 20% so với cùng kỳ xuống 3,5 triệu tấn, chủ yếu do lượng HRC nhập khẩu từ Trung Quốc giảm mạnh xuống còn 0,9 triệu tấn (-63% svck) dưới tác động của các biện pháp chống bán phá giá.

Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tăng 29% so với cùng kỳ

Tổng sản lượng tiêu thụ thép xây dựng của HPG trong tháng 8 đạt 412.209 tấn, tăng 29% so với cùng kỳ nhưng giảm 12% so với tháng trước. Nhu cầu trong nước tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, đóng góp 88% tổng doanh thu, hưởng lợi trực tiếp từ việc giải ngân vốn đầu tư công tăng mạnh 24% so với cùng kỳ lên 105,7 nghìn tỷ đồng trong tháng. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2026, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 3,6 triệu tấn (+15% svck), nhờ lực cầu trong nước bùng nổ (+19% svck) bù đắp cho đà sụt giảm của kênh xuất khẩu (-14% svck).

Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước trong 8 tháng đầu năm 2026 tăng 18,5% so với cùng kỳ lên 546,8 nghìn tỷ đồng, nhưng chỉ hoàn thành 50,5% kế hoạch cả năm của Chính phủ. Do đó, chúng tôi kỳ vọng tiến độ giải ngân đầu tư công sẽ tăng tốc trong Q4/2026, hỗ trợ nhu cầu thép xây dựng và giúp bù đắp sự suy yếu của hoạt động xây dựng dân dụng trong bối cảnh mặt bằng lãi suất neo ở mức cao.

Các sản phẩm khác

Sản lượng tiêu thụ tôn mạ phục hồi mạnh trong tháng 8 lên 62.425 tấn, tăng 124% so với cùng kỳ (tăng 77% so với tháng trước), nhờ sản lượng xuất khẩu đạt 38.463 tấn từ mức nền không đáng kể trong tháng 8/2025.

(Xem tiếp trang 2)

Trong khi đó, tổng sản lượng tiêu thụ thép ống trong tháng đạt 79.540 tấn, tăng 13% so với cùng kỳ và 8% so với tháng trước. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2026, HPG đã tiêu thụ 287.224 tấn tôn mạ (+2% svck) và 606.408 tấn ống thép (+9% svck). Đối với bán thành phẩm, HPG đã bán 166.248 tấn phôi thép (phôi vuông billet và phôi slab dẹt) trong tháng 8, tăng 837% so với cùng kỳ từ mức nền thấp (tăng 13% so với tháng trước), trong đó xuất khẩu chiếm tới 96%. Trong 8 tháng đầu năm 2026, sản lượng tiêu thụ phôi thép đạt 741.641 tấn (+110% svck).

Dự báo lợi nhuận Q3/2026

HSC dự báo lợi nhuận thuần 3Q/2025 đạt 6,1 nghìn tỷ đồng, tăng 53% so với cùng kỳ (-4% svqt). Với việc giữ nguyên dự báo cho năm 2026, kết quả trên tương ứng với lợi nhuận thuần Q4/2026 đạt 5,5 nghìn tỷ đồng (tăng 44% so với cùng kỳ, nhưng giảm 10% so với quý trước). Đà tăng trưởng lợi nhuận tích cực so với cùng kỳ trong Q3 dự kiến được dẫn dắt bởi sản lượng tiêu thụ thép bứt phá như đã phân tích. Trong khi đó, mức giảm nhẹ so với quý trước chủ yếu do tỷ suất lợi nhuận thu hẹp dưới áp lực chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao. Đáng chú ý, giá nguyên vật liệu gần đây đã hạ nhiệt, trong khi HPG tăng giá bán HRC giao vào tháng 11 lên 14.410 đồng/kg (tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 2,5% so với đầu quý) nhằm bù đắp mức tăng chi phí đầu vào trước đó, qua đó củng cố tỷ suất lợi nhuận.

Tăng tỷ lệ sở hữu tại Red River Future Group

Ngày 1/10, HPG thông báo đã hoàn tất mua 799 triệu cổ phần của Red River Future Group (RRFG; tư nhân/chưa niêm yết) trong đợt tăng vốn điều lệ của công ty này từ 12,8 nghìn tỷ đồng lên 39,45 nghìn tỷ đồng. Phần vốn góp này được HPG thực hiện bằng phương thức hoán đổi 778,4 triệu cổ phần HPRE (HPRE; tư nhân/chưa niêm yết), tương đương 73,4% tỷ lệ sở hữu tại CTCP Phát triển Bất động sản Hòa Phát. Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của HPG tại HPRE giảm từ 100% xuống 26,55%, trong khi tỷ lệ sở hữu tại RRFG tăng từ 15% lên 25,13%.

RRFG là chủ đầu tư của các dự án phát triển đô thị đa năng Thụ Lâm và Lĩnh Nam (tổng vốn đầu tư: 235 nghìn tỷ đồng) với cơ cấu vốn tài trợ dự kiến gồm 15% vốn chủ sở hữu và 85% vốn vay. Toàn bộ cổ đông đều góp vốn bằng tài sản thay vì tiền mặt trong đợt tăng vốn này của RRFG, nhằm đáp ứng yêu cầu vốn tự có tối thiểu (15% tổng mức đầu tư dự án). Tuy nhiên, các cổ đông sẽ tiếp tục góp tiền mặt sau này theo nhu cầu tài trợ tương ứng với tiến độ triển khai dự án. Do đó, HPG có kế hoạch rót vốn bằng tiền mặt vào RRFG trong giai đoạn sau để mua lại lượng cổ phần HPRE đã hoán đổi trước đó.

Giao dịch định giá cổ phần HPRE ở mức 10.271 đồng/cp, thấp hơn đáng kể so với mức 32.000 đồng/cp mà HPG đề xuất ban đầu cho phương án hoán đổi. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng chênh lệch định giá này không mang lại tác động trọng yếu, do việc hoán đổi chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cấp thiết trước mắt và HPG đã có kế hoạch mua lại số cổ phần HPRE nói trên.

HPRE hiện chủ yếu phát triển các dự án BĐS KCN và dự kiến đóng góp khoảng 400 tỷ đồng vào lợi nhuận thuần năm 2026, tương đương 1,5% cho cả năm 2026. Do đó, việc giảm sở hữu tại HPRE sẽ chỉ có ảnh hưởng hạn chế đến triển vọng lợi nhuận của HPG, trong khi việc tăng cổ phần tại RRFG mở ra tiềm năng tăng trưởng vượt dự báo từ năm 2028 trở đi, thời điểm các dự án của công ty này bắt đầu ghi nhận lợi nhuận.

Duy trì khuyến nghị Mua vào

Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% trong 1 tháng qua và giảm 15% trong 3 tháng qua (diễn biến kém tích cực hơn VN-Index), HPG hiện đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 6 lần, thấp hơn nhiều so với bình quân 5 năm ở mức 12,7 lần – theo quan điểm của chúng tôi đây là mức định giá rất hấp dẫn. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 37.300 đồng (tiềm năng tăng giá là 86%).

Bảng 1: Sản lượng thép tiêu thụ 8 tháng đầu năm 2026, HPG

Sản lượng thép 8 tháng đầu năm tăng 37% so với cùng kỳ

Tân	T8-26	So với cùng kỳ	So với tháng trước	8T26	So với cùng kỳ
Thép xây dựng	412,209	29%	-12%	3,621,086	15%
Xuất khẩu	50,479	170%	10%	372,183	-14%
Trong nước	361,730	21%	-15%	3,248,903	19%
HRC	657,713	53%	-7%	4,761,590	61%
Xuất khẩu	196,762	179%	64%	892,519	127%
Trong nước	460,951	28%	-22%	3,869,071	51%
Tôn mạ	62,425	124%	77%	287,224	2%
Xuất khẩu	38,463	29261%	104%	90,723	32%
Trong nước	23,962	-14%	46%	196,501	-7%
Ông thép	79,540	13%	8%	606,408	9%
Xuất khẩu	7,233	32%	33%	56,664	46%
Trong nước	72,307	11%	6%	549,744	6%
Phôi thép & tấm slab	166,248	837%	13%	741,641	110%
Xuất khẩu	160,239	918%	10%	639,523	95%
Trong nước	6,009	200%	204%	102,118	320%
Tổng sản lượng thép	1,378,135	59%	-4%	10,017,949	37%
Xuất khẩu	453,176	309%	35%	2,051,612	62%
Trong nước	924,959	22%	-16%	7,966,337	32%

Nguồn: VSA, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	138,855	156,116	214,333	259,136	299,253
Lợi nhuận gộp	18,498	24,498	34,808	42,879	49,294
Chi phí BH&QL	(3,883)	(4,070)	(5,787)	(6,997)	(8,080)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	14,615	20,428	29,021	35,883	41,214
Lãi vay thuần	(1,348)	(2,522)	881	(3,109)	(2,603)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	426	135	214	259	299
LN TT	13,693	18,041	30,117	33,033	38,911
Chi phí thuế TNDN	(1,673)	(2,526)	(2,999)	(2,312)	(2,724)
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.42	(64.8)	(113)	(128)	(151)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	12,021	15,450	27,004	30,592	36,036
Lợi nhuận thuần ĐC	11,420	14,678	25,654	29,063	34,234
EBITDA ĐC	21,543	28,896	41,270	50,881	54,221
EPS (đồng)	1,879	1,830	3,198	3,623	4,268
EPS ĐC (đồng)	1,488	1,738	3,038	3,442	4,055
DPS (đồng)	0	500	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	6,396	8,443	8,443	8,443	8,443
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	6,396	8,443	8,443	8,443	8,443
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,396	8,443	8,443	8,443	8,443

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	6,888	8,301	28,963	43,201	60,873
Đầu tư ngắn hạn	18,975	19,484	21,433	31,096	38,903
Phải thu khách hàng	7,648	15,065	17,147	20,731	23,940
Hàng tồn kho	46,091	52,828	64,300	72,558	92,769
Các tài sản ngắn hạn khác	7,073	8,004	11,145	14,252	17,357
Tổng tài sản ngắn hạn	86,674	103,682	142,988	181,839	233,841
TSCĐ hữu hình	130,995	144,291	138,199	130,941	120,809
TSCĐ vô hình	184	187	206	227	249
Bất động sản đầu tư	560	528	478	420	353
Đầu tư dài hạn	137	2,248	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5,940	6,985	12,233	14,776	17,053
Tổng tài sản dài hạn	137,815	154,240	151,117	146,363	138,465
Tổng cộng tài sản	224,490	257,922	294,104	328,202	372,306
Nợ ngắn hạn	55,883	64,695	66,443	69,967	80,798
Phải trả người bán	14,047	21,183	27,863	33,688	38,903
Nợ ngắn hạn khác	2,813	5,091	6,346	7,432	8,402
Tổng nợ ngắn hạn	75,225	94,209	105,100	116,464	134,313
Nợ dài hạn	27,080	27,479	23,640	21,108	16,886
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	29.3	31.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	7,440	4,906	4,470	4,694	4,930
Tổng nợ dài hạn	34,550	32,416	28,110	25,802	21,816
Tổng nợ phải trả	109,842	126,702	133,210	142,266	156,129
Vốn chủ sở hữu	114,356	129,178	158,739	183,653	213,742
Lợi ích cổ đông thiểu số	291	2,042	2,155	2,284	2,435
Tổng vốn chủ sở hữu	114,647	131,220	160,894	185,937	216,177
Tổng nợ phải trả và VCSH	224,490	257,922	294,104	328,202	372,306
BVPS (đ)	17,879	15,300	18,801	21,752	25,316
Nợ thuần*/(tiền mặt)	76,075	83,873	61,121	47,873	36,812

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	14,615	20,428	29,021	35,883	41,214
Khấu hao	(6,928)	(8,468)	(12,249)	(14,999)	(13,007)
Lãi vay thuần	(1,348)	(2,522)	881	(3,109)	(2,603)
Thuế TNDN đã nộp	(937)	(1,995)	(2,999)	(2,312)	(2,724)
Thay đổi vốn lưu động	(13,927)	(10,949)	(31,364)	(27,940)	(39,454)
Khác	(2,358)	(3,373)	(395)	(4,736)	(4,809)
LCT thuần từ HĐKD	6,608	15,694	11,245	20,026	11,403
Đầu tư TS dài hạn	(35,495)	(25,750)	(5,543)	(6,988)	(2,213)
Góp vốn & đầu tư	(27,166)	(29,083)	(2,916)	(10,335)	(8,408)
Thanh lý	32,872	29,661	656	356	506
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(29,788)	(25,172)	(7,803)	(16,967)	(10,115)
Cổ tức trả cho CSH	(4,97)	(27,0)	(3,838)	(4,222)	(4,222)
Thu từ phát hành CP	233	1,707	0	0	0
Tăng/giảm nợ	17,587	9,211	21,058	15,401	20,605
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	17,815	10,891	17,220	11,179	16,384
Tiền & tương đương tiền đầu kì	12,252	6,888	8,301	28,963	43,201
LCT thuần trong kỳ	(5,365)	1,413	20,662	14,238	17,672
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.76	(0.15)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	6,888	8,301	28,963	43,201	60,873
Dòng tiền tự do	(28,887)	(10,056)	5,702	13,038	9,190

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	13.3	15.7	16.2	16.5	16.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	15.5	18.5	19.3	19.6	18.1
Tỷ suất LNT (%)	8.66	9.90	12.6	11.8	12.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.2	14.0	9.96	7.00	7.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	16.7	12.4	37.3	20.9	15.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	31.1	34.1	42.8	23.3	6.56
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	75.9	28.5	74.8	13.3	17.8
Tăng trưởng EPS (%)	59.9	(2.64)	74.8	13.3	17.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	75.9	16.8	74.8	13.3	17.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	27.3	15.6	13.8	11.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	11.1	12.7	18.8	17.9	18.1
ROACE (%)	11.0	13.1	16.5	17.9	18.3
Vòng quay tài sản (lần)	0.67	0.65	0.78	0.83	0.85
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.45	0.77	0.39	0.56	0.28
Số ngày tồn kho	140	147	131	122	135
Số ngày phải thu	23.2	41.8	34.9	35.0	35.0
Số ngày phải trả	42.6	58.7	56.6	56.9	56.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	67.2	65.6	39.2	26.8	18.0
Nợ/tài sản (%)	37.3	36.1	31.0	28.2	26.7
EBIT/lãi vay (lần)	10.8	8.10	N/a	11.5	15.8
Nợ/EBITDA (lần)	3.89	3.22	2.21	1.82	1.83
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.15	1.10	1.36	1.56	1.74
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.34	1.51	0.99	0.73	0.57
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.62	8.16	5.12	3.70	3.13
P/E (lần)	10.7	11.0	6.27	5.53	4.70
P/E ĐC (lần)	13.5	11.5	6.60	5.82	4.94
P/B (lần)	1.12	1.31	1.07	0.92	0.79
Lợi suất cổ tức (%)	0	2.49	2.49	2.49	2.49

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn